

Bản án số: 545/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-5-2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1357/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hồng T**, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông **Hồ Minh T**, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có mặt; ông T có đơn yêu cầu vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 9 năm 2020 và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày:*

Bà và ông Hồ Minh T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm, chỉ ăn nhậu, bà đi làm về mà không

kịp nấu cơm là ông T chửi mắng bà, vợ chồng xảy ra cãi vã, ông T còn sử dụng bạo lực đối với bà. Bà và ông T sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không còn ý nghĩa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có ba con chung là trẻ Hồ Trần Kim P, sinh ngày 04/4/2004, trẻ Hồ Ngọc U, sinh ngày 11/11/2009 và trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 04/6/2013. Hiện tại trẻ P và trẻ U đang sống cùng ông T, trẻ Đức đang sống cùng với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, giao trẻ P và trẻ U cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2020 bị đơn ông Hồ Minh T trình bày: Ông và bà Trần Thị Hồng T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông không nhớ năm đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Tuy nhiên, sau đó ông và bà có phát sinh mâu thuẫn do ông đi chạy xe lôi nên thu nhập không ổn định, ngày có việc thì có tiền, ngày không có việc thì không có, kinh tế khó khăn nên bà T có hay cảm râm, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Bà T vì vấn đề kinh tế nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi bà T về nhà mẹ ruột sống thì ông và bà T sống ly thân. Từ khi sống ly thân thì ông và bà T không còn sự quan tâm chăm sóc dành cho nhau, việc ai người đó làm. Tuy nhiên, ông vẫn còn thương bà T, muốn con của ông có đầy đủ cả cha và mẹ nên ông không đồng ý ly hôn với bà T, ông yêu cầu Tòa án cho ông và bà T được đoàn tụ trở về chung sống với nhau.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì:

Về con chung: Ông và bà T có ba con chung là trẻ Hồ Trần Kim P, sinh ngày 04/4/2004, trẻ Hồ Ngọc U, sinh ngày 11/11/2009 và trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 04/6/2013. Sau khi ly hôn, ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P và trẻ U, giao trẻ Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về và nợ chung: Không có.

Do ông bận đi làm nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông, ông cam kết không khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng T được ly hôn với ông Hồ Minh T

Về con chung: Giao trẻ Hồ Trần Kim P, sinh ngày 04/4/2004 và trẻ Hồ Ngọc U, sinh ngày 11/11/2009 cho ông Hồ Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 04/6/2013 cho bà Trần Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà T, ông T.

Về án phí: Bà Trần Thị Hồng T chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Minh T. Đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Hồ Minh T cư trú tại E8/55 ấp 5, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Hồ Minh T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng T và ông Hồ Minh T sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trước Tòa hôm nay, bà T xác định bà và ông T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, bà T khai giữa bà và ông T có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống do ông T không lo làm, chỉ ăn nhậu, bà đi làm về mà không kịp nấu cơm là ông T chửi mắng bà, vợ chồng xảy ra cãi vã, ông T còn sử dụng bạo lực đối với bà. Ông T cũng thừa

nhận trong quá trình chung sống ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn do ông đi chạy xe lôi nên thu nhập không ổn định, ngày có việc thì có tiền, ngày không có việc thì không có, kinh tế khó khăn nên bà T có hay cảm râm, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Bà T vì vấn đề kinh tế nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2018 cho đến nay. Bà T và ông T cùng xác nhận hiện tại ông bà đã sống ly thân và từ khi sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc dành cho nhau, việc ai người đó làm điều này chứng tỏ giữa bà T và ông T không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung không còn ý nghĩa, Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[6] Về con chung: Bà T và ông T cùng xác nhận ông bà có ba con chung là trẻ Hồ Trần Thị Kim P, sinh ngày 04/4/2004, trẻ Hồ Ngọc U, sinh ngày 11/11/2009 và trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 04/6/2013.

[7] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mặt của con*”.

[8] Do bà T và ông T thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Hồ Trần Kim P, sinh ngày 04/4/2004, trẻ Hồ Ngọc U, sinh ngày 11/11/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 04/6/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà T, ông T và không trái luật nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà T và ông T.

[10] Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà T và ông T trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[11] Về nợ chung: Bà T và ông T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nợ chung giữa bà T và ông T trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[12] Về án phí: Bà Trần Thị Hồng T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng T.

Cho bà Trần Thị Hồng T được ly hôn với ông Hồ Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2004 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2004 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Hồ Trần Kim P, sinh ngày 04/4/2004, trẻ Hồ Ngọc U, sinh ngày 11/11/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Hồ Minh Đ sinh ngày 04/6/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà T và ông T.

Bà T, ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080654 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Hồ Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy**

